VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 111 /2026/VBHN-TT-BNNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2026

THÔNG TƯ
Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu

Thông tư số 15/2020/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ Quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu. [1]

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu.

Ký hiệu: QCVN 01-192: 2020/BNNPTNT

Điều 2. Hiệu lực thi hành[2]

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ[3], Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật [4], Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

---

[1] Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật."

[2] Điều 30 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

*"**Điều 30. Hiệu lực thi hành***

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Trong thời gian các quy định của Thông tư này có hiệu lực, quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Thông tư này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này."

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường [5] (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật [6]) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

[3] Cụm từ "Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

[4] Cụm từ "Cục Bảo vệ thực vật" được thay thế bởi cụm từ "Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

[5] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

[6] Cụm từ "Cục Bảo vệ thực vật" được thay thế bởi cụm từ "Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 01-192: 2020/BNNPTNT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

National technical regulation on phytosanitary requirements for imported regulated articles

HÀ NỘI - 2020

Lời nói đầu

QCVN 01-192:2020/BNNPTNT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật [7] biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ[8] trình duyệt, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường [9] ban hành theo Thông tư số 15/2020/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2020.

[7] Cụm từ "Cục Bảo vệ thực vật" được thay thế bởi cụm từ "Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

[8] Cụm từ "Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Khoa học và Công nghệ" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

[9] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

MỤC LỤC

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh

1.2 Đối tượng áp dụng

1.3 Tài liệu viện dẫn

1.4 Giải thích từ ngữ

2. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

2.1 Yêu cầu về kiểm tra

2.2 Yêu cầu về phân tích giám định

2.3 Yêu cầu về nhiễm sinh vật gây hại

2.4 Yêu cầu về bao bì đóng gói

2.5 Lưu giữ, bảo quản và vận chuyển mẫu

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phụ lục 1

Thư mục tài liệu tham khảo

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

National technical regulation on phytosanitary requirements for imported regulated articles

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định về yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu vào Việt Nam.

1.2 Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật vào lãnh thổ Việt Nam.

1.3 Tài liệu viện dẫn

Thông tư số 35/2014/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

QCVN 01-2: 2009/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế.

QCVN 01-141: 2013/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp lấy mẫu kiểm dịch thực vật.

QCVN 01-175: 2014/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình lưu giữ, bảo quản và vận chuyển mẫu trong kiểm dịch thực vật.

TCVN 3937: 2007 Kiểm dịch thực vật - Thuật ngữ và định nghĩa

Bộ TCVN 12709 Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật.

Bộ TCVN 12195 Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật.

Bộ TCVN 12371 Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật.

Bộ TCVN 12194 Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật.

Bộ TCVN 12372 Quy trình giám định cỏ dại gây hại thực vật.

1.4 Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng các thuật ngữ định nghĩa nêu trong TCVN 3937: 2007 và các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.4.1 Đối tượng kiểm dịch thực vật là sinh vật gây hại có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật, chưa có hoặc có nhưng phân bố hẹp ở Việt Nam và phải được kiểm soát nghiêm ngặt.

1.4.2 Đối tượng phải kiểm soát là sinh vật gây hại không phải là đối tượng kiểm dịch thực vật nhưng sự có mặt của chúng trên vật liệu dùng để làm giống có nguy cơ gây thiệt hại lớn về kinh tế, phải được kiểm soát ở Việt Nam.

1.4.3 Sinh vật gây hại lạ là sinh vật gây hại chưa xác định được tên khoa học và chưa từng được phát hiện ở Việt Nam.

1.4.4 Kiểm dịch thực vật là hoạt động ngăn chặn, phát hiện, kiểm soát đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát và sinh vật gây hại lạ.

1.4.5 Kiểm tra vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật là việc quan sát, lấy mẫu, giám định vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật để xác định tình trạng nhiễm sinh vật gây hại hoặc sự tuân thủ quy định về kiểm dịch thực vật.

1.4.6 Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật là thực vật[1], phương tiện sản xuất, bảo quản, vận chuyển hoặc các vật thể khác có khả năng mang theo đối tượng kiểm dịch thực vật.

CHÚ THÍCH: [1]: Quy định tại Mục 11 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với Danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.4.7 Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam gồm:

a) Cây và các bộ phận còn sống của cây.

b) Củ, quả tươi.

c) Cỏ và hạt cỏ.

d) Sinh vật có ích sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

e) Thực vật nhập khẩu phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

f) Các vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khác có nguy cơ cao mang theo đối tượng kiểm dịch thực vật do Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật [10], xác định và báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường [11] quyết định.

---

[10] Cụm từ "Cục Trồng trọt" được thay thế bởi cụm từ "Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

[11] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

1.4.8 Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu là giấy do Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật [12] cấp cho các tổ chức, cá nhân nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

2. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

2.1 Yêu cầu về kiểm tra

Việc kiểm tra lô vật thể thuộc diện kiểm dịch vật nhập khẩu thực hiện như sau:

2.1.1 Kiểm tra sơ bộ

Kiểm tra chính thức bằng cảm quan bên ngoài lô vật thể, bao bì đóng gói, phương tiện chuyên chở; khe, kẽ và những nơi sinh vật gây hại có thể ẩn nấp; thu thập côn trùng bay, bò hoặc bám bên ngoài lô vật thể.

2.1.2 Kiểm tra chi tiết

Kiểm tra bên trong và lấy mẫu lô hàng theo quy định tại QCVN 01-141:2013/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp lấy mẫu kiểm dịch thực vật; thu thập các vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mang triệu chứng bị hại và sinh vật gây hại; phân tích giám định mẫu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật, sinh vật gây hại đã thu thập được.

2.2 Yêu cầu về phân tích giám định

Mẫu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và mẫu sinh vật gây hại thu thập được phân tích giám định theo các phương pháp (Bảng 1), như sau:

Bảng 1. Phương pháp phân tích giám định

TT	Nội dung	Phương pháp phân tích giám định
1	Phân tích giám định côn trùng và nhện	Bộ TCVN 12709 Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật
2	Phân tích giám định nấm	Bộ TCVN 12195 Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật
3	Phân tích giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma	Bộ TCVN 12371 Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật
4	Phân tích giám định tuyến trùng	Bộ TCVN 12194 Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật
5	Phân tích giám định cỏ dại	Bộ TCVN 12372 Quy trình giám định cỏ dại gây hại thực vật

[12] Cụm từ "Cục Trồng trọt" được thay thế bởi cụm từ "Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

2.3 Yêu cầu về nhiễm sinh vật gây hại

Căn cứ vào kết quả kiểm tra và phân tích giám định, yêu cầu về nhiễm sinh vật gây hại trên lô vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu như sau:

2.3.1 Không có sinh vật gây hại trong Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Môi trường [13] ban hành qua từng thời kỳ (Bảng 2);

CHÚ THÍCH: Đối tượng kiểm dịch thực vật áp dụng theo quy định tại Điều 25 của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường [14] ban hành tại Thông tư số 35/2014/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2014.

Bảng 2: Mức giới hạn tối đa cho phép đối với đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam trên lô vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giới hạn
A. Côn trùng			
1	Sâu thép	*Agriotes lineatus* (Linnaeus)	0
2	Ruồi đục quả Nam Mỹ	*Anastrepha fraterculus* (Wiedemann)	0
3	Ruồi đục quả Mê-hi-cô	*Anastrepha ludens* (Loew)	0
4	Ruồi đục quả Tây Ấn	*Anastrepha obliqua* (Macquart)	0
5	Ruồi đục quả hồng xiêm	*Anastrepha serpentina* (Wiedemann)	0
6	Ruồi đục quả ổi	*Anastrepha striata* (Schiner)	0
7	Bọ đầu dài hại bông	*Anthonomus grandis* (Boheman)	0
8	Ruồi đục quả sọc trắng	*Bactrocera albistrigata* (de Meijere)	0
9	Ruồi đục quả bầu bí	*Bactrocera depressa* (Shiraki)	0
10	Ruồi đục quả Queensland	*Bactrocera tryoni* (Froggatt)	0
11	Ruồi đục quả Nhật Bản	*Bactrocera tsuneonis* (Miyake)	0
12	Bọ trĩ hại đậu	*Caliothrips fasciatus* (Pergande)	0
13	Ngài đục quả đào	*Carposina sasakii* (Matsumura)	0
14	Mọt lạc serratus	*Caryedon serratus* (Olivier)	0
15	Mọt to vòi	*Caulophilus oryzae* (Gyllenhal)	0
16	Ruồi đục quả Địa Trung	*Ceratitis capitata* (Wiedemann)	0

[13] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

[14] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

	Hải		
17	Ruồi đục quả xoài	*Ceratitis cosyra* (Karsch)	0
18	Ruồi đục quả Rhodesia	*Ceratitis quinaria* (Bezzi)	0
19	Ruồi đục quả Natal	*Ceratitis rosa* (Karsch)	0
20	Vòi voi đục quả mận	*Conotrachelus nenuphar* (Herbst)	0
21	Ngài hại sồi dẻ	*Cydia latiferreana* (Walsingham)	0
22	Ngài đục quả óc chó	*Cydia pomonella* (Linnaeus)	0
23	Rệp sáp vảy San Jose’	*Diaspidiotus perniciosus* (Comstock) Danzig	0
24	Bọ cánh cứng hại rễ bầu bí	*Diabrotica speciosa* (Germar)	0
25	Ruồi giấm cánh đốm	*Drosophila suzukii* (Matsumura)	0
26	Ngài táo	*Epiphyas postvittana* (Walker)	0
27	Ruồi hại củ hành	*Eumerus strigatus* (Fallén)	0
28	Bọ đầu dài viền trắng	*Graphognathus leucoloma* (Boheman)	0
29	Ngài đục quả mận	*Grapholita funebrana* (Treitschke)	0
30	Ngài hại quả phương Đông	*Grapholita molesta* (Busck)	0
31	Ngài hại quả anh đào	*Grapholita Packardi* (Zeller)	0
32	Ngài hại mận	*Grapholita prunivora* (Walsh)	0
33	Bọ hung đen Châu Phi	*Heteronychus arator* (Fabricius)	0
34	Ngài trắng Mỹ	*Hyphantria cunea* (Drury)	0
35	Bọ Colorado hại khoai tây	*Leptinotarsa decemlineata* (Say)	0
36	Rệp sáp vảy đen Ross	*Lindingaspis rossi* (Maskell)	0
37	Sâu róm rừng	*Malacosoma parallela* (Staudinger)	0
38	Ngài cải bắp	*Mamestra brassicae* (Linnaeus)	0
39	Ruồi phorid hại nấm	*Megaselia halterata* (Wood)	0
40	Bọ hung viền trắng	*Melolontha melolontha* (Linnaeus)	0
41	Bọ đầu dài hại mía Tây Ấn	*Metamasius hemipterus* (Linnaeus)	0
42	Muỗi năn hại nấm	*Mycophila speyeri* (Barnes)	0
43	Mọt lạc pallidus	*Pachymerus pallidus* (Olivier)	0
44	Vòi voi hại nho	*Phlyctinus callosus* (Schoenherr)	0
45	Ngài củ khoai tây	*Phthorimaea operculella* (Zeller)	0
46	Sâu cuốn lá ăn tạp	*Platynota stultana* (Walsingham)	0
47	Bọ hung Nhật Bản	*Popillia japonica* (Newman)	0
48	Mọt đục hạt lớn	*Prostephanus truncatus* (Horn)	0
49	Ruồi đục quả táo	*Rhagoletis pomonella* (Walsh)	0
50	Vòi voi hại đào	*Rhynchites heros* (Roelots)	0
51	Bọ trĩ cam Nam Phi	*Scirtothrips aurantii* (Faure)	0
52	Rệp sáp vảy đỏ Tây Ấn	*Selenaspidus articulatus* (Morgan)	0
53	Sâu đục thân mía cretica	*Sesamia cretica* (Lederve)	0
54	Mọt thóc	*Sitophilus granarius (*Linnaeus)	0
55	Vòi voi đục hạt xoài	*Sternochetus mangiferae* (Fabricius)	0

56	Sâu đục thân cà chua	*Symmetrischema tangolias* (Gyen)	0
57	Ngài hại quả	*Thaumatotibia leucotreta* (Meyrick)	0
58	Mọt cứng đốt	*Trogoderma granarium* (Everts)	0
59	Mọt da vệt thận	*Trogoderma inclusum* (LeConte)	0
60	Mọt da ăn tạp	*Trogoderma variabile* (Ballion)	0
61	Mọt đậu Mê-hi-cô	*Zabrotes subfasciatus (Boheman)*	0
B. NHỆN			
62	Nhện đỏ Chi-lê	*Brevipalpus chilensis* (Baker)	0
63	Nhện xanh hại sắn	*Mononychellus tanajoa* (Bondar)	0
64	Nhện nhỏ Thái Bình Dương	*Tetranychus pacificus* (McGregor)	0
C. NẤM			
65	Bệnh cây hương lúa	*Balansia oryzae - sativae* Hashioka	0
66	Bệnh thối khô củ khoai tây	*Boeremia foveata* (Foister) Aveskamp, Gruyter & Verkley	0
67	Bệnh nấm cựa gà cao lương	*Claviceps africana* Frederickson, Mantle & De Milliano	0
68	Bệnh thối trắng hoa trà	*Ciborinia camelliae* Kohn	0
69	Bệnh thối loét cây dẻ	*Cryphonectria parasitica (Murrill)* Barr	0
70	Bệnh thối đen quả nho	*Guignardia bidwellii (Ellis)* Viala & Ravaz	0
71	Bệnh cháy lá cao su Nam Mỹ	*Microcyclus ulei* (Henn.) Arx	0
72	Bệnh đốm lá cà phê Châu Mỹ	*Mycena citricolor* (Berk. & Curtis) Sacc.	0
73	Bệnh khô cành cam quýt	*Phoma tracheiphila (Petri) Kantachveli & Gikachvili*	0
74	Bệnh thối rễ bông	*Phymatotrichopsis omnivor a* (Duggar) Hennebert	0
75	Bệnh thối quả bông	*Phytophthora boehmeriae Sawada*	0
76	Bệnh đốm củ khoai tây	*Polyscytalum pustulans* (M.N. Owen & Makef) M.B. Ellis	0
77	Bệnh rỉ sắt bạch đàn	*Puccinia psidii* G. Winter	0
78	Bệnh ung thư khoai tây	*Synchytrium endobioticum* (Schilb.) Percival	0
79	Bệnh than đen lúa mì	*Tilletia indica* Mitra	0
80	Bệnh chết héo bông	*Verticillium albo-atrum* Reinke & Berthold	0
D. VI KHUẨN			
81	Bệnh vi khuẩn thối loét quả cà chua	*Clavibacter michiganensis* subsp. *michiganensis* (Smith) Davis	0

82	Bệnh vi khuẩn héo rũ ngô	*Pantoea stewartii* (Smith) Mergaert	0
83	Bệnh vi khuẩn đốm lá cà phê	*Pseudomonas syringae* pv. *garcae* Young et al.	0
84	Bệnh vi khuẩn rụng lá nho	*Xylella fastidiosa* Wells et al.	0
E. VIRUS, VIROID			
85	Bệnh virus khảm lá cỏ linh lăng	*Alfalfa mosaic virus*	0
86	Bệnh virus đốm hình nhẫn cà phê	*Coffee ringspot virus*	0
87	Bệnh virus sọc lá lạc	*Peanut stripe virus*	0
88	Bệnh virus đốm tròn quả mận	*Plum pox virus*	0
89	Bệnh viroid củ khoai tây hình thoi	*Potato spindle tuber viroid*	0
F. TUYẾN TRÙNG			
90	Tuyến trùng hại hoa cúc	*Aphelenchoides ritzemabosi* (Schwartz) Steiner & Buhrer	0
91	Tuyến trùng gây héo thông	*Bursaphelenchus xylophilus (Steiner & Buhrer) Nickle*	0
92	Tuyến trùng tiêm đọt sần lúa	*Ditylenchus angustus (Butler)* Filipjev	0
93	Tuyến trùng gây thối củ	*Ditylenchus destructor* Thorne	0
94	Tuyến trùng thân	*Ditylenchus dipsaci (Kuhn)* Filipjev	0
95	Tuyến trùng bào nang khoai tây	*Globodera pallida* (Stone) Behrens	0
96	Tuyến trùng bào nang ánh vàng khoai tây	*Globodera rostochiensis* (Wollenweber) Behrens	0
97	Tuyến trùng nốt sần rễ chitwoodi	*Meloidogyne chitwoodi* Golden, O'Bannon, Santo & Finley	0
98	Tuyến trùng nốt sần rễ ethiopica	*Meloidogyne ethiopica* Whitehead	0
99	Tuyến trùng nốt sần rễ fallax	*Meloidogyne fallax* Karssen	0
100	Tuyến trùng nốt sần rễ hapla	*Meloidogyne hapla* Chitwood	0
101	Tuyến trùng giả nốt sần	*Nacobbus aberrans* (Thorne) Thorne & Allen	0
102	Tuyến trùng đục thân, củ	*Radopholus similis* (Cobb) Thorne	0
103	Tuyến trùng thối thân, rễ cọ dầu, dừa	*Rhadinaphelenchus cocophilus* (Cobb) Goodey	0
G. CỎ DẠI			
104	Cây kế đồng	*Cirsium arvense* (L.) Scop.	0

105	Tơ hồng Nam	*Cuscuta australis* R. Br.	0
106	Tơ hồng Trung Quốc	*Cuscuta chinensis* Lam.	0
107	Cỏ chổi Ai Cập	*Orobanche aegyptiaca* Pers.	0
108	Cỏ chổi hoa rủ	*Orobanche cernua* Loefl.	0
109	Cỏ chổi hoa sò	*Orobanche crenata* Forssk.	0
110	Cỏ chổi ramosa	*Orobanche ramosa* L.	0
111	Cỏ ma kí sinh angustifolia	*Striga angustifolia* (D. Don) C. J. Saldanha	0
112	Cỏ ma ký sinh asiatica	*Striga asiatica* (L.) Kuntze	0
113	Cỏ ma kí sinh densiflora	*Striga densiflora* (Benth.) Benth.	0
114	Cỏ ma kí sinh hermonthica	*Striga hermonthica* (Del.) Benth.	0

CHÚ THÍCH: Giới hạn "0": Không phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật trên mẫu thu thập và lấy từ lô vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu.

2.3.2 Không có sinh vật gây hại trong Danh mục đối tượng phải kiểm soát do Bộ Nông nghiệp và Môi trường [15] ban hành theo từng thời kỳ;

CHÚ THÍCH: Đối tượng phải kiểm soát áp dụng theo quy định tại Điều 25 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật kể từ khi được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường [16] ban hành.

2.3.3 Không có sinh vật gây hại lạ.

2.4 Yêu cầu về bao bì đóng gói

Bao bì, vật liệu bằng gỗ sử dụng để đóng gói vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu phải được xử lý theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-2: 2009/BNNPTNT Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế.

2.5 Lưu giữ, bảo quản và vận chuyển mẫu

Việc lưu giữ, bảo quản và vận chuyển mẫu thực hiện theo QCVN 01-175: 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình lưu giữ, bảo quản và vận chuyển mẫu trong kiểm dịch thực vật.

---

[15] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

[16] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1 Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu phải thực hiện kiểm dịch thực vật theo quy định tại Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các văn bản hướng dẫn Luật.

3.2 Yêu cầu về hồ sơ

3.2.1 Có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan có thẩm quyền về kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu cấp;

3.2.2 Có Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu do cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương của Việt Nam cấp (đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam).

CHÚ THÍCH: Mẫu Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu quy định tại Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.3 Việc phân tích giám định sinh vật gây hại trên vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được thực hiện tại các tổ chức đánh giá sự phù hợp về kiểm dịch thực vật đã được đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định tại Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành và được Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật [17] công nhận được thực hiện phân tích giám định đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát và sinh vật gây hại lạ hoặc do cơ quan kiểm dịch thực vật thực hiện.

3.4 Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu bị nhiễm sinh vật gây hại quy định tại Mục 2.3 của Quy chuẩn này thì sẽ phải xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Lệnh giữ lại và xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chuẩn này.

3.5. Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đáp ứng yêu cầu của quy chuẩn này.

CHÚ THÍCH: Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu quy định tại Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

---

[17] Cụm từ "Cục Trồng trọt" được thay thế bởi cụm từ "Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1 Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật [18] chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức thực hiện, phổ biến, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này theo quy định pháp luật; trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường [19] điều chỉnh, bổ sung các nội dung tại Quy chuẩn này khi cần thiết; công nhận, chỉ định các tổ chức đánh giá sự phù hợp về kiểm dịch thực vật thực hiện phân tích giám định đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát và sinh vật gây hại lạ.

4.2 Các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến việc nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật vào lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm thực hiện và tuân thủ quy định tại Quy chuẩn này.

4.3 Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, tài liệu viện dẫn hoặc hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo văn bản mới./.

---

[18] Cụm từ "Cục Trồng trọt" được thay thế bởi cụm từ "Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

[19] Cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

Phụ lục 1

(Quy định)

Lệnh giữ lại và xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN - Tiếng Việt) (TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN - Tiếng Anh) **(TÊN CƠ QUAN KDTV - Tiếng Việt)** (TÊN CƠ QUAN KDTV - Tiếng Anh) **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Socialist Republic of Vietnam **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Independence - Freedom - Happiness ----------

Lệnh giữ lại và xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
Unloaded ceasing and treating order of the regulated article

Số: /KDTV....

No:

Kính gửi: …….

To:

Căn cứ vào Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tình trạng nhiễm sinh vật gây hại của vật thể dưới đây:

According to the Law on Plant Protection and Quarantine of the Socialist Republic of Vietnam and the pest - infested state of the under discribed regulated article:

Tên vật thể bị nhiễm sinh vật gây hại (hàng hoá, kho hoặc phương tiện chuyên chở) (1) …….

Name of regulated article (commodity, store or means of conveyance) (1)

Số lượng: ……. Khối lượng: ……

Quantity: …… Weight: ……..

- Tên và địa chỉ chủ hàng: ……

(Người xuất khẩu, thủ kho hoặc chủ phương tiện chuyên chở) (2)

Name and adress of Owners of regulated article: ……..

(Exporter, store-keeper or owner of means of conveyance) (2): ……

- Tên và địa chỉ người nhận:

Name and address of consignee:

- Phương tiện chuyên chở …… Quốc tịch:……

Means of conveyance *Nationality*

- Bị nhiễm sinh vật gây hại thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đối tượng phải kiểm soát hoặc sinh vật gây hại lạ, cụ thể là:

Infested by regulated pests of the Socialist Republic of Vietnam and other dangerous pests, concretely as follow (s)

- Nay quyết định biện pháp xử lý lô vật thể đó như sau: ……

Treatment measures must be applied to the regulated article as follow:

□ Xông hơi khử trùng (Fumigation)

Thuốc khử trùng và nồng độ *(Fumigant and concentration):*

Địa điểm khử trùng *(Place of fumigation):*

Thời gian:

Quy định sau khử trùng *(Regulations after fumigation):*

Duration of exposure

□ Tái xuất (Re-export): ……..Thời gian: ……..

□ Tiêu hủy (Destroy): …… Thời gian: ……..

□ Biện pháp khác (Other); …… Thời gian: ……

Ngày: ___/___/_____
Date:

Nơi nhận: ……
To: ……
……
……

Thủ trưởng cơ quan kiểm dịch thực vật
Chief of Plant Quarantine Service
(Ký tên, đóng dấu)
(Name, signature, stamp)

(1), (2) Chữ nào không dùng thì xoá đi

Thư mục tài liệu tham khảo

1. Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013.

2. Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp.

3. Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

4. Thông tư số 30/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

5. Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

6. Thông tư số 15/2018/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với Danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7. Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi, nguồn gen cây trồng; nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và nhập khẩu vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2026

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC, TTTV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Hiệp